

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí

Nhiệm vụ: “Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022”

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai, ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-STTTT ngày 30/12/2021 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình 01/TTr-TTCNTT&TT ngày 27/01/2022 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông về đề nghị phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc nhiệm vụ: Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công nghệ thông tin và Chánh Văn phòng Sở thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí Nhiệm vụ: Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022 với số tiền:

1.299.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn).
(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai có nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự toán chi và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai; thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Kt, VP, TT CNTT&TT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hùng

DỰ TOÁN CHI TIẾT

Nhiệm vụ: “Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh năm 2022”

(Kèm theo Quyết định số: 15/QĐ-STTTT ngày 21/02/2022 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Chi phí tiền điện duy trì hệ thống Trung tâm Tích hợp dữ liệu (THDL)	Năm	1	460.400.000	460.400.000	<i>Thanh toán theo số lượng điện phát sinh thực tế hàng tháng dựa trên hóa đơn do Công ty điện lực Gia Lai cung cấp.</i>
2	Chi phí trực hệ thống Trung tâm THDL	Năm	1	122.950.000	122.950.000	<i>Chi tiết tại Bảng 1</i>
3	Chi phí dự phòng sửa chữa đột xuất hạ tầng, trang thiết bị của các hệ thống CNTT thuộc hệ thống trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và chi phí thuê chuyên gia xử lý, khắc phục sự cố khi cần thiết (nếu có).	Năm	1	171.301.200	171.301.200	<i>Dự toán được xác định tạm tính dựa theo số liệu thanh toán của 03 năm liền kề</i>
3.1	<i>Sửa chữa nhỏ, bơm ga hệ thống máy lạnh chuyên dùng thuộc Trung tâm THDL của tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>1</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>	
3.2	<i>Sửa chữa thiết bị lưu điện UPS</i>	<i>Năm</i>	<i>1</i>	<i>45.000.000</i>	<i>45.000.000</i>	
3.3	<i>Sửa chữa nhỏ thiết bị máy chủ, thiết bị HNTH ...</i>	<i>Năm</i>	<i>1</i>	<i>76.301.200</i>	<i>76.301.200</i>	
4	Chi phí thuê máy chủ ảo phục vụ duy trì các hệ thống thuộc hệ thống trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Máy chủ ảo Smart Cloud)	Gói/12 tháng	1	58.858.800	58.858.800	<i>Báo giá</i>

5	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn an ninh thông tin (Bảo trì thường xuyên và bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)	Năm	1	183.700.000	183.700.000	
5.1	<i>Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn an ninh thông tin (Bảo trì thường xuyên)</i>	Năm	1	95.000.000	95.000.000	<i>Báo giá</i>
5.2	<i>Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn an ninh thông tin (Bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)</i>	Năm	1	88.700.000	88.700.000	<i>Báo giá</i>
6	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Hệ thống Hội nghị truyền hình (Bảo trì thường xuyên và bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)	Năm	1	127.100.000	127.100.000	
6.1	<i>Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Hệ thống Hội nghị truyền hình (Bảo trì thường xuyên)</i>	Năm	1	96.000.000	96.000.000	<i>Báo giá</i>
6.2	<i>Chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Hệ thống Hội nghị truyền hình (Bảo trì, bảo hành đột xuất, không thường xuyên)</i>	Năm	1	31.100.000	31.100.000	<i>Báo giá</i>
7	Chi phí bảo trì hệ thống máy lạnh chuyên dụng thuộc Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	Năm	1	91.200.000	91.200.000	<i>Báo giá</i>
8	Chi phí duy trì đường truyền cáp quang FTTH 80Mbps dự phòng	Gói/12 tháng	1	16.500.000	16.500.000	<i>Thực hiện theo giá Hợp đồng các năm 2019, 2020, 2021.</i>

9	Mua bản quyền chứng thư số GloablSign Domain Wildcard SSL cho domain: *.gialai.org.vn. (Thời hạn 3 năm).	Gói	1	66.990.000	66.990.000	<i>Báo giá</i>
TỔNG CỘNG					1.299.000.000	

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn).

BẢNG 1: DỰ TOÁN TIỀN LÀM THÊM NGOÀI GIỜ NĂM 2022

Số TT	Họ và tên	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp		Cộng hệ số	Mức lương cơ bản (Đồng)	Tiền lương tháng (Đồng)	Mức lương (Đồng)		Số tiền thanh toán (Đồng)				Ghi chú
			Khu vực	Chức vụ				Ngày	Giờ	Làm thêm ngày làm việc (150%)	Làm thêm ngày thứ 7, CN (200%)	Làm thêm Lễ, Tết (300%)	Thành tiền	
1	Nguyễn Tiến Cường	3,00	0,1		3,10	1.490.000	4.619.000	209.955	26.244	90	130	40	13.515.824	
2	Nguyễn Văn Huỳnh	2,67	0,1	0,2	2,97	1.490.000	4.425.300	201.150	25.144	90	130	40	12.949.031	
3	Nguyễn Khương Duy	3,00	0,1	0,3	3,40	1.490.000	5.066.000	230.273	28.784	90	130	40	14.823.807	
4	Phan Minh Quang	2,34	0,1		2,44	1.490.000	3.635.600	165.255	20.657	90	130	40	10.638.261	
5	Châu Hiếu Tài	2,34	0,1		2,44	1.490.000	3.635.600	165.255	20.657	90	130	40	10.638.261	
6	Hà Đức Mẫn	2,34	0,1		2,44	1.490.000	3.635.600	165.255	20.657	90	130	40	10.638.261	
7	Nguyễn Hùng Anh	2,34	0,1		2,44	1.490.000	3.635.600	165.255	20.657	90	130	40	10.638.261	
8	Lê Thị Thu Huyền	3,00	0,1		3,10	1.490.000	4.619.000	209.955	26.244	90	130	40	13.515.824	
9	Đặng Thị Thùy Vân	3,33	0,1		3,43	1.490.000	5.110.700	232.305	29.038	90	130	40	14.954.605	
10	Cao Hữu Quốc Nguyên	2,34	0,1		2,44	1.490.000	3.635.600	165.255	20.657	90	130	40	10.638.261	
	Tổng cộng	26,70	1,00	0,50	28,20	14.900.000	42.018.000	1.909.909	238.739	900	1.300	400	122.950.398	
Tổng cộng (làm tròn số)													122.950.000	

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

Ghi chú : Thực hiện trực ngoài giờ hệ thống Trung tâm Tích hợp dữ liệu, điều khiển các cuộc họp trực tuyến trong tình hình dịch bệnh Covid-19 và giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn phát sinh từ các yếu tố khách quan liên quan trực tiếp đến hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước (Theo Khoản 1, Điều 61, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020).